

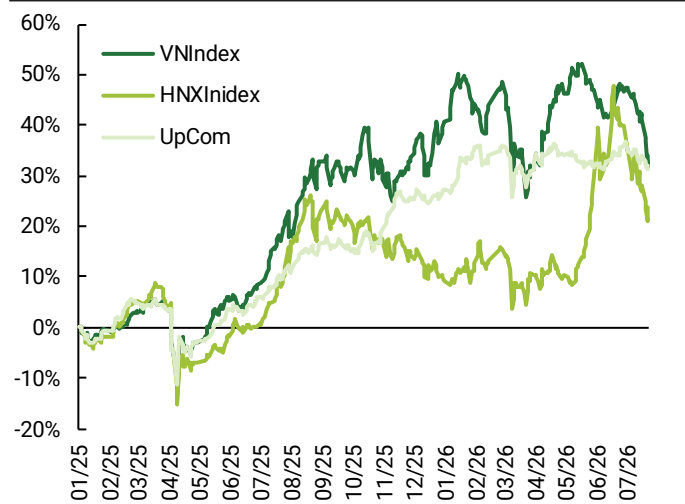
VN-Index **1699.38 (1.85%)**
944 Tr. cổ phiếu 20192.3 Tỷ VND (-14.34%)

HNX-Index **281.07 (2.03%)**
70 Tr. cổ phiếu 1103.1 Tỷ VND (-1.62%)

UPCOM-Index **125.53 (0.61%)**
33 Tr. cổ phiếu 402.3 Tỷ VND (-11.32%)

VN30F1M **1842.70 (0.28%)**
310,242 HD OI: 39,352 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1699.4, tăng +30.9 điểm (+1.85%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Đà tăng cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh trở lại với thị trường trong phiên chiều với động lực chính từ nhóm Vingroup, Gelex. Đà lan tỏa cũng có dấu hiệu cải thiện hơn.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+4.0%), CRE (+5.4%), VIC (+5.9%) | Ngân hàng: OCB (+1.5%), SHB (+2.6%), EIB (+7.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (+3.3%), GEE (+6.9%), GEX (+7.0%) | Dịch vụ tài chính: SSI (+4.0%), VIX (+6.6%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: POW (+2.6%), GEG (+3.0%), GAS (+3.7%). Diễn biến yếu trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: NAF (-7.0%), VNM (-2.2%) | Hóa chất: DGC (-6.3%), PHR (-1.4%), DPR (-0.3%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, GAS, GEE, VPL - Chiều giảm | LPB, VNM, MBB, CTG, PNJ
- Khối ngoại Bán ròng hơn 450 tỷ đồng, tập trung nhiều ở MBB, TCB, VCB, trong khi mua ròng SHB, LPB, VIC.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** phục hồi sau phiên giảm mạnh trước đó nhờ lực cầu bắt đáy gia tăng khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ cận ngưỡng 1650 điểm, đồng thời các chỉ báo động lượng rơi vào trạng thái quá bán. Dù vậy, chỉ số vẫn vận động dưới các đường MA ngắn và trung hạn, cho thấy xu hướng điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế. Trong những phiên tới, chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục rung lắc nhằm kiểm định lại ngưỡng 1700 điểm. Việc vượt và duy trì trên vùng 1730–1740 điểm sẽ là tín hiệu đầu tiên cho thấy xu hướng được cải thiện. Trái lại, nếu lực cầu suy yếu và giá trở lại đánh mất ngưỡng 1650 điểm, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh sẽ gia tăng và mốc 1600 điểm là vùng nâng đỡ tiếp theo cần chú ý.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số bật tăng từ khu vực MA100, quanh ngưỡng 275 cho thấy lực cầu bắt đáy bắt đầu có phản ứng. Dù vậy, vẫn cần thêm nền tảng xác nhận theo sau, với kháng cự gần hiện là ngưỡng 290 điểm.
- **Chiến lược:** Nhà đầu tư có thể đưa các cổ phiếu mục tiêu vào danh sách theo dõi, nhưng nên ưu tiên chờ thêm tín hiệu xác nhận về điểm cân bằng của thị trường trước khi giải ngân. Các nhịp phục hồi hiện tại nhiều khả năng vẫn mang tính kỹ thuật, do đó việc mua đuổi hoặc bắt đáy sớm sẽ tiềm ẩn rủi ro nếu lực cầu chưa đủ mạnh để xác nhận sự trở lại của xu hướng tăng. Tỷ trọng tổng thể nên tiếp tục duy trì ở mức an toàn.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,699.4	▲	1.8%	-5.8%	-9.1%	20,192.3	▼	-14.3%	4.5%	-34.9%	943.8	▼	-4.9%	19.5%	-0.3%	
HNX-Index	281.1	▲	2.0%	-2.5%	-13.9%	1,103.1	▼	-1.6%	-16.4%	-3.1%	69.6	▼	-2.3%	-5.9%	15.3%	
UPCOM-Index	125.5	▬	0.6%	-0.9%	-1.5%	402.3	▼	-11.3%	9.3%	-60.4%	32.7	▼	-1.7%	25.8%	-40.8%	
VN30	1,845.3	▲	1.0%	-5.0%	-7.5%	12,112.1	▼	-20.9%	7.6%	-48.2%	409.3	▼	-8.6%	12.9%	-26.8%	
VNMID	1,871.9	▲	1.7%	-6.1%	-11.7%	6,494.6	▼	-0.7%	-4.3%	7.6%	373.1	▼	-1.5%	7.2%	24.2%	
VNSML	1,229.1	▬	0.4%	-4.7%	-8.3%	857.4	▼	-4.5%	18.2%	-6.0%	60.5	▼	-2.2%	0.3%	-5.3%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	599.3	▬	0.1%	-5.82%	-7.2%	7,093.6	▼	-3.9%	-1.8%	29.4%	318.8	▼	-2.0%	10.0%	36.7%	
Bất động sản	933.0	▲	4.7%	-4.7%	-8.7%	3,093.7	▼	-22.3%	5.8%	2.7%	127.9	▼	-2.9%	14.9%	40.0%	
Dịch vụ tài chính	288.3	▲	2.6%	-4.5%	-7.4%	3,489.7	▲	12.6%	30.8%	26.9%	189.5	▲	4.3%	29.5%	40.4%	
Công nghiệp	223.7	▲	2.8%	-5.1%	-9.1%	1,318.3	▲	16.0%	40.7%	47.0%	51.3	▲	11.4%	43.4%	72.5%	
Tài nguyên cơ bản	460.6	▬	0.4%	-4.7%	-9.0%	920.3	▼	-9.7%	4.5%	50.5%	51.3	▼	-4.7%	7.9%	58.7%	
Xây dựng - Vật Liệu	150.8	▲	2.1%	0.1%	-5.7%	536.4	▼	-23.7%	-7.0%	-11.4%	30.5	▼	-21.5%	-9.2%	-3.6%	
Thực phẩm	474.1	▼	-0.2%	-0.7%	2.5%	944.2	▼	-38.1%	-20.0%	-16.5%	24.5	▼	-26.8%	-13.4%	-1.1%	
Bán Lẻ	1,322.0	▲	1.7%	-4.5%	-4.0%	755.2	▼	-46.5%	5.9%	36.4%	11.1	▼	-52.7%	1.4%	38.2%	
Công nghệ	353.3	▬	0.3%	-4.6%	-8.3%	427.8	▼	-42.6%	-20.0%	-31.5%	7.5	▼	-40.7%	-23.9%	-27.5%	
Hóa chất	147.4	▼	-0.2%	-8.4%	-14.6%	407.5	▲	30.6%	27.3%	34.4%	13.9	▲	17.9%	16.3%	26.4%	
Tiện ích	673.8	▲	2.3%	-7.4%	-8.5%	324.9	▼	-14.5%	-11.2%	-16.8%	16.3	▲	11.1%	7.7%	-12.9%	
Dầu khí	94.8	▲	2.0%	-8.8%	-6.9%	254.1	▼	-13.2%	-28.29%	-54.3%	11.1	▼	-12.4%	-26.3%	-43.8%	
Dược phẩm	383.2	▼	-0.3%	-2.1%	-3.4%	46.7	▲	73.1%	-20.1%	20.7%	1.5	▲	6.9%	-27.9%	-4.9%	
Bảo hiểm	91.4	▬	0.1%	-4.0%	-8.2%	17.7	▼	-17.0%	-21.0%	-39.2%	0.5	▼	-13.8%	-15.4%	-28.9%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,699.4 ▲	1.85%	-4.8%	14.0x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,641 ▬	0.10%	30.3%	17.3x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,315 ▼	-0.30%	-27.0%	15.1x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,658 ▬	0.01%	2.9%	15.7x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,283 ▬	0.24%	3.8%	9.6x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,877 ▬	0.25%	-2.3%	19.3x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,211 ▲	1.28%	-1.6%	13.2x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	66,423 ▬	0.46%	31.9%	24.2x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,499 ▼	-0.14%	9.5%	27.6x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	52,219 ▼	-0.01%	8.6%	25.1x	6.1x
FTSE 100	Anh	10,670 ▼	-0.43%	7.4%	16.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,242 ▼	-1.18%	7.8%	18.1x	2.5x
DXV		101.4 ▬	0.19%	3.1%		
USDVND		26,315 ▬	0.000%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

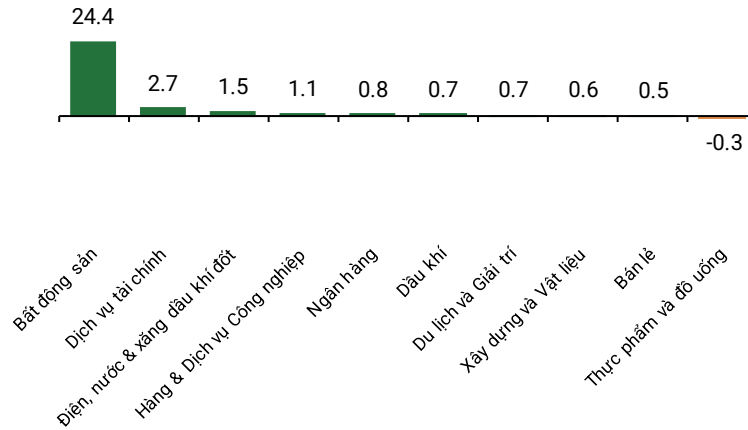
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	5.4%	28.7%	63.0%	44.8%
Dầu WTI	▲	4.7%	24.2%	58.3%	39.3%
Khí gas	▲	1.9%	-5.3%	-19.2%	-3.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	0.0%	24.3%	44.4%
Thép HRC (*)	▬	0.1%	-1.6%	0.6%	-5.0%
PVC (*)	▬	0.1%	3.4%	1.2%	-12.1%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	-10.8%	-1.0%	-13.5%
Cao su thiên nhiên	▬	0.4%	-2.2%	21.9%	29.4%
Bông Cotton	▬	0.8%	8.8%	25.3%	20.8%
Đường	▬	0.8%	10.7%	-1.0%	-8.5%
World Container Index	▼	-3.8%	10.2%	97.7%	68.1%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.9%	7.8%	82.0%	167.0%
Vàng	▼	-1.42%	-1.1%	-5.7%	20.2%
Bạc	▼	-2.63%	-5.5%	-18.8%	48.2%

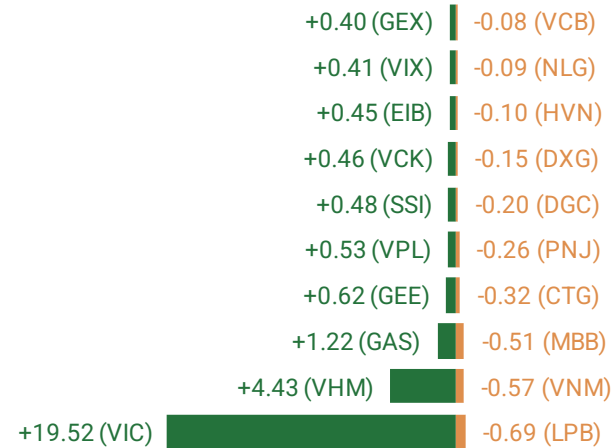
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

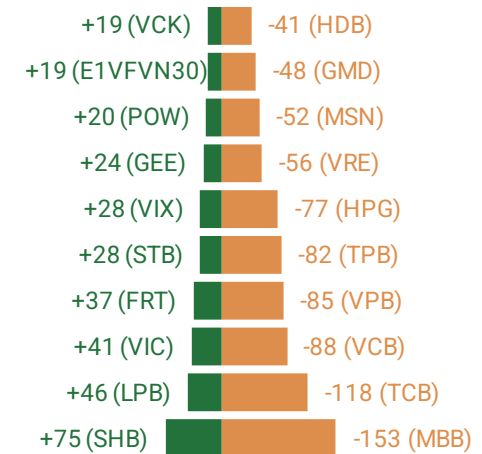
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



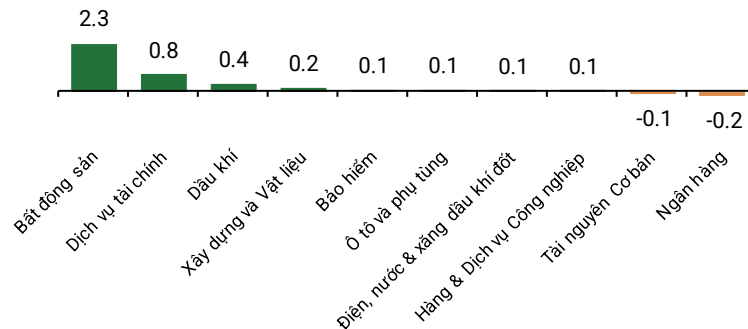
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



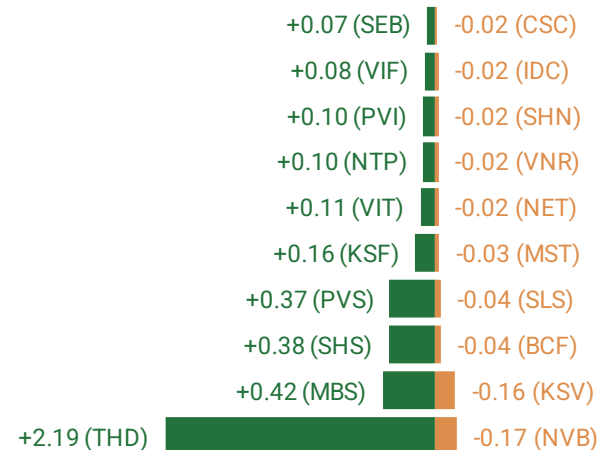
TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



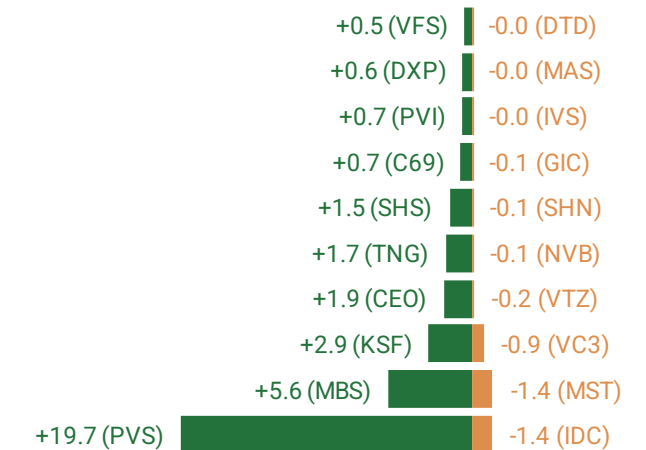
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	VIC	VIX	HPG	SSI
%DoD	2.6%	5.9%	6.6%	0.5%	4.0%
Giá trị	1,072	894	881	765	692

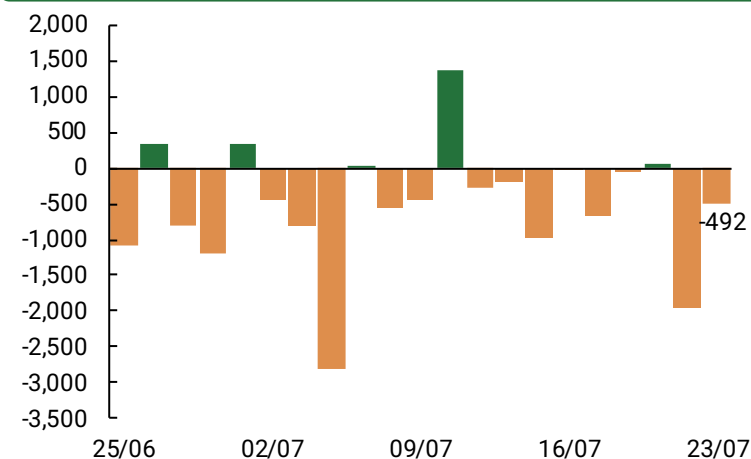
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	HCM	SSB	HAH	GEX
%DoD	-2.0%	2.6%	0.0%	0.3%	7.0%
Giá trị	944	567	244	130	120

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



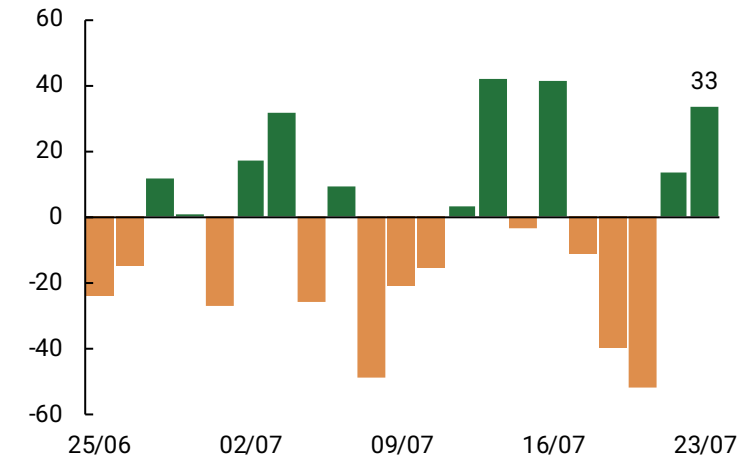
	SHS	MBS	CEO	PVS	VC3
%DoD	4.5%	3.7%	0.0%	3.6%	-0.8%
Giá trị	251	195	110	107	53

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	PVS	ADC	ADC	ADC
%DoD	0.7%	3.6%	0.0%	0.0%	0.0%
Giá trị	55	0	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Piercing, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 | 1650.
- ✓ Kháng cự: 1750 | 1800.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index quay lại kiểm định vùng 1700 điểm phù hợp kỳ vọng. Tuy nhiên, việc bật tăng từ vùng quá bán mang tính kỹ thuật, và cần thêm nến xác nhận theo sau. Trái lại, nếu lực cầu không tiếp tục duy trì và có dấu hiệu suy yếu tại cản, áp lực điều chỉnh hoàn toàn có thể trở lại chi phối. Khi đó, vùng hỗ trợ thấp hơn là mốc tâm lý 1600 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900 | 1960.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

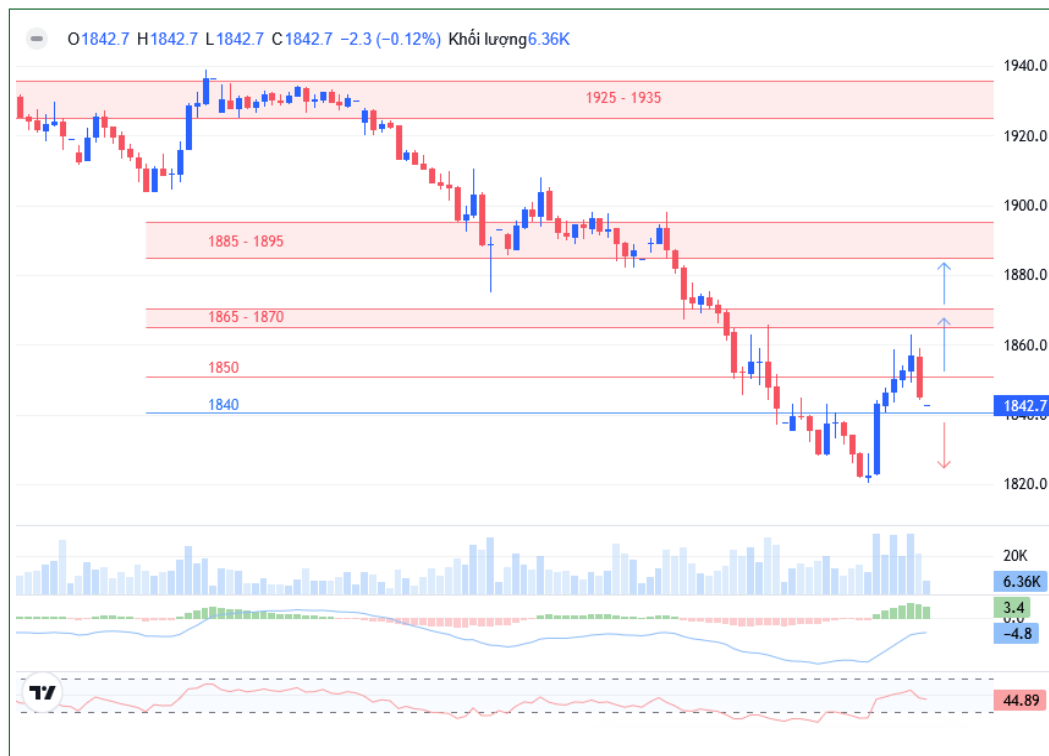
Kịch bản: Dù bật tăng nhưng vận động của chỉ số vẫn nằm thấp hơn ½ nến giảm trước đó, cho thấy lực cung còn chi phối. Cần thêm nến tăng xác nhận động lực theo sau. Trường hợp lực cầu có dấu hiệu suy yếu tại kháng cự, áp lực bán hoàn toàn có thể trở lại chi phối và gia tăng khả năng kiểm định mốc 1800 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	--------------	---------------	-----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	---------------------------	--------------	---------------	----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1842.7, tăng 5.1 điểm (+0.3%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phiên sáng nhưng nỗ lực phục hồi vào phiên chiều đã giúp giá lấy lại sắc xanh.
- Ở đồ thị 15 phút**, chỉ báo RSI thoát khỏi vùng quá bán nhưng vẫn nằm dưới ngưỡng trung bình, trong khi MACD còn đang vận động trong miền âm, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chi phối. Vị thế Long nên chờ giá xác nhận vượt và củng cố được trên ngưỡng 1852, có thể gia tăng nếu vận động tiếp tục giữ vững trên ngưỡng 1872. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1838.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1762, tăng 3.4 điểm (+0.2%). Độ lệch basis 5.7 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 42 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1750 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1780 điểm.

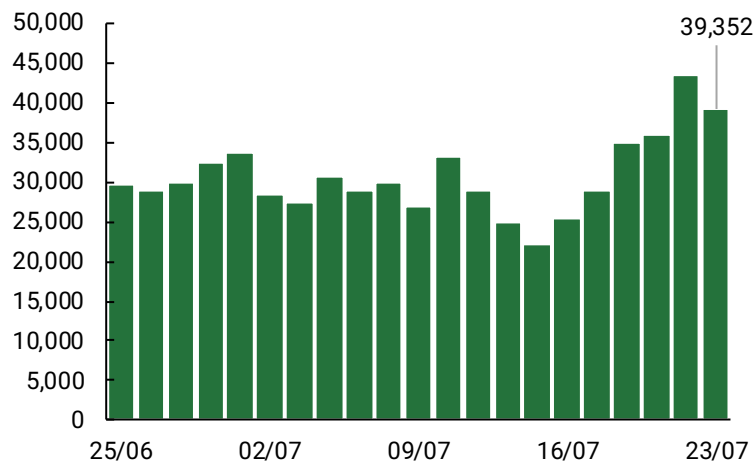
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1852	1866	1845	14 : 7
Long	> 1872	1886	1865	14 : 7
Short	< 1838	1824	1846	14 : 8

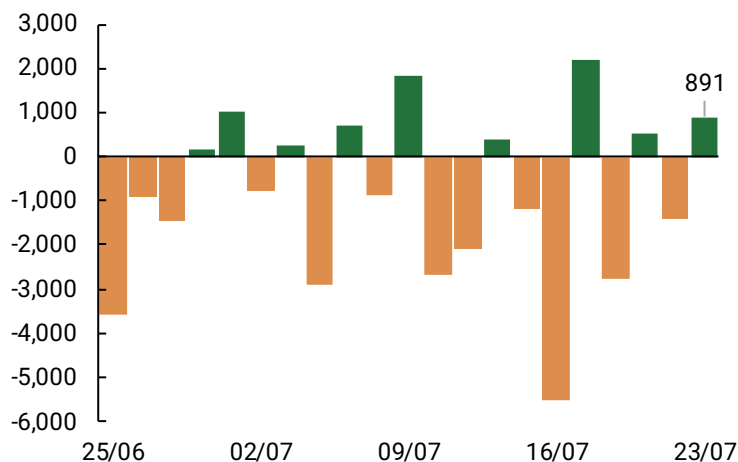
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,847.0	-9.9	18	36	1,863.6	-16.6	18/03/2027	238
4111GC000	1,845.4	9.4	112	843	1,856.6	-11.2	17/12/2026	147
4111G9000	1,844.0	6.0	734	1,140	1,849.6	-5.6	17/09/2026	56
4111G8000	1,842.7	5.1	310,242	39,352	1,847.5	-4.8	20/08/2026	28
4112G8000	1,762.0	3.4	42	68	1,769.7	-7.7	20/08/2026	28

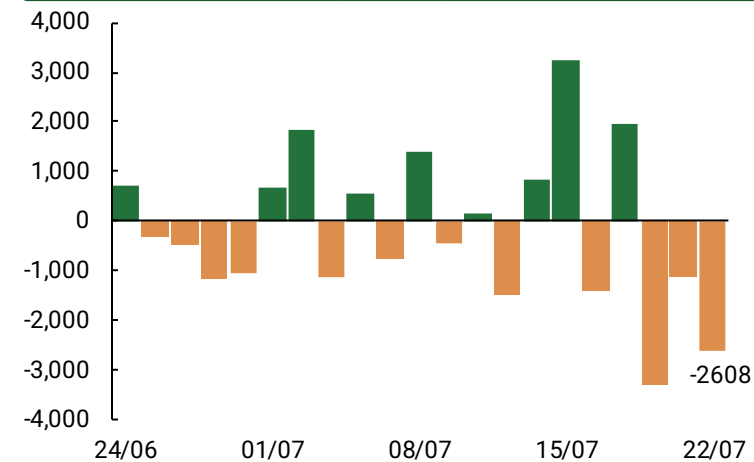
Khối lượng mở (Open interest)



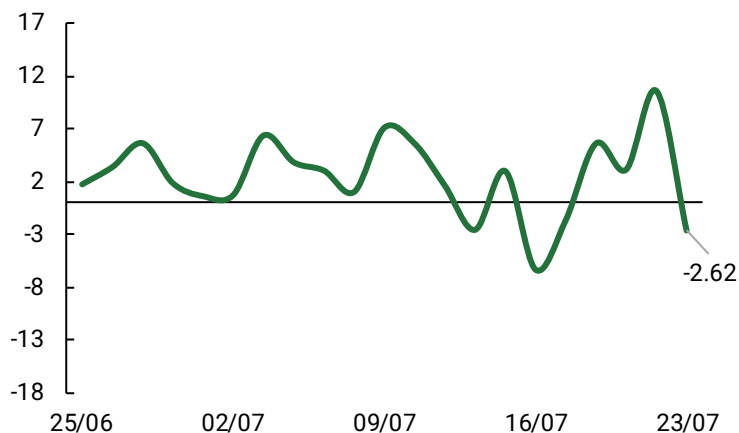
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



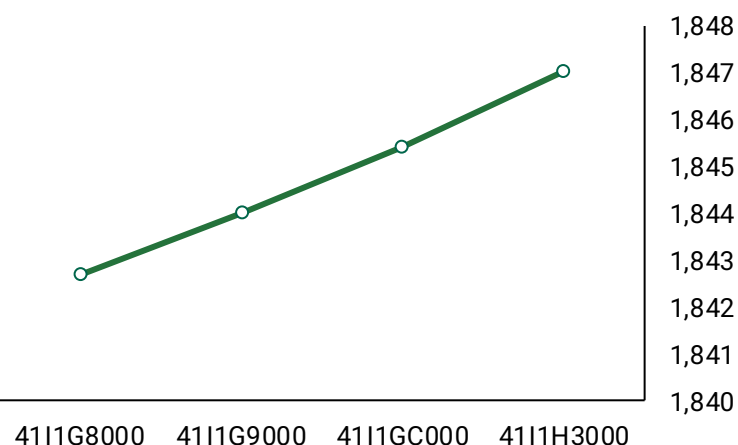
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



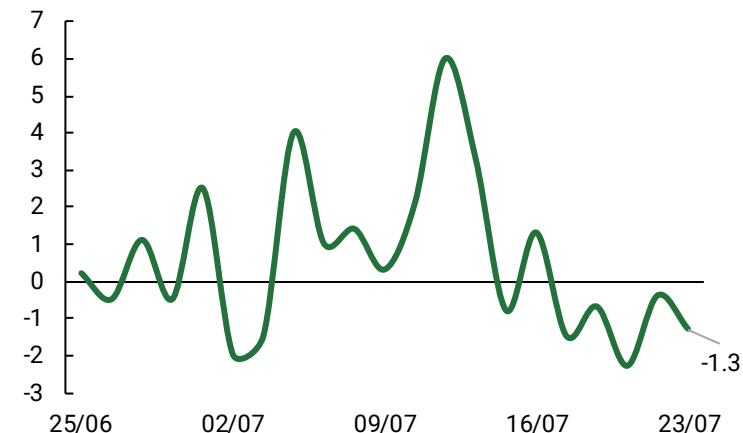
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



- 01/07 Việt Nam, Mỹ – Chỉ số PMI
- 02/07 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 03/07 Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 2
- 09/07 Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 14/07 Mỹ – Chỉ số CPI
- Việt Nam – Công bố danh mục VN30
- Mỹ – Chỉ số PPI
- 15/07 Trung Quốc – GDP Q2, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
- Canada – BOC họp và công bố lãi suất
- 16/07 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai VN30, VN100
- 20/07 Trung Quốc – Lãi suất cho vay 1y, 5y
- Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 đơn lẻ
- 23/07 EU – ECB công bố lãi suất
- Mỹ – FED họp và công bố lãi suất
- 30/07 Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 (công ty mẹ, hợp nhất, tổng hợp)

THÔNG TIN VĨ MÔ

Chính phủ công bố danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu: Chính phủ ban hành Nghị định 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026, quy định chi tiết một số nội dung của Luật Quản lý ngoại thương. Nghị định nêu rõ danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu gồm vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, gỗ tròn và gỗ xẻ từ rừng tự nhiên trong nước, kim cương thô theo Quy chế Kimberley, thuốc lá điện tử và thuốc lá nung nóng. Danh mục cấm nhập khẩu cũng bao gồm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, hàng tiêu dùng đã qua sử dụng, thiết bị y tế đã qua sử dụng và sản phẩm công nghệ số đã qua sử dụng. Đáng chú ý, Nghị định cấm nhập khẩu hàng hóa được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo bởi hành vi cưỡng bức lao động.

Việt Nam xếp nhóm dẫn đầu thế giới về xuất khẩu công nghệ cao: Theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu 2025 của WIPO, Việt Nam xếp hạng 44/139 quốc gia và nền kinh tế, duy trì thứ hạng so với năm 2024. Việt Nam đứng thứ 2 trong nhóm quốc gia thu nhập trung bình thấp, sau Ấn Độ, và xếp thứ 3 trong ASEAN sau Singapore và Malaysia. Báo cáo cũng ghi nhận Việt Nam là một trong 9 quốc gia thu nhập trung bình cải thiện thứ hạng nhanh nhất từ năm 2013. Trong các chỉ số thành phần, Việt Nam cùng Malaysia và Philippines xếp số một thế giới về xuất khẩu công nghệ cao, với tỷ trọng 36.1% tổng thương mại.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MSN - Masan muốn nâng mục tiêu lợi nhuận năm 2026 lên tối đa 11,500 tỷ đồng: HĐQT Masan đề xuất điều chỉnh kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026, với doanh thu thuần mục tiêu tăng lên 98,000–105,000 tỷ đồng. Mục tiêu lợi nhuận sau thuế cũng được đề xuất nâng lên 10,000–11,500 tỷ đồng, cao hơn 2,100–2,750 tỷ đồng so với kế hoạch ban đầu. Trước đó, kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua là doanh thu thuần 93,500–98,000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 7,250–7,900 tỷ đồng.

NTP - Nhựa Tiên Phong lãi quý II kỷ lục, gần hoàn thành kế hoạch năm: NTP ghi nhận doanh thu quý II gần 2,160 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ, trong khi lãi ròng đạt xấp xỉ 478 tỷ đồng, tăng 49% và là mức cao nhất từ trước đến nay. Biên lợi nhuận gộp mở rộng từ 32% lên trên 38%, nhờ giá vốn tăng chậm hơn doanh thu và lô nguyên liệu giá thấp đã được dự trữ từ quý I. Lũy kế 6 tháng, NTP đạt 3,650 tỷ đồng doanh thu thuần và gần 732 tỷ đồng lãi ròng; lợi nhuận trước thuế hơn 879 tỷ đồng, tương đương gần 98% kế hoạch cả năm.

DGC - Hóa chất Đức Giang rơi nửa lợi nhuận quý II: DGC ghi nhận doanh thu thuần quý II hơn 2,400 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ, trong khi lãi ròng đạt khoảng 389 tỷ đồng, giảm 54%. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào như lưu huỳnh, điện, than cốc và amoniac đều tăng mạnh. Bên cạnh đó, do khai trường 25 tạm dừng hoạt động phục vụ điều tra, DGC phải sử dụng toàn bộ quặng nhập khẩu và mua ngoài, khiến giá vốn phốt pho vàng tăng cao. Lũy kế 6 tháng, DGC đạt 4,540 tỷ đồng doanh thu và 797 tỷ đồng lãi ròng, lần lượt giảm 20% và 52%.

TNG - Hãng may TNG báo lãi quý II cao kỷ lục: TNG ghi nhận doanh thu thuần quý II vượt 2,900 tỷ đồng và lãi ròng 147 tỷ đồng, lần lượt tăng 15% và 22% so với cùng kỳ. Đây là mức doanh thu và lợi nhuận quý cao nhất trong lịch sử doanh nghiệp. Lũy kế 6 tháng, TNG đạt gần 4,900 tỷ đồng doanh thu thuần và 204 tỷ đồng lãi ròng, tăng lần lượt 20% và 26%, thực hiện 51% kế hoạch doanh thu và 45% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	38,400	73,400	91.1%	Mua
CTG	29,050	40,700	40.1%	Mua
CTD	56,900	82,900	45.7%	Mua
DBD	49,000	68,000	38.8%	Mua
DDV	18,726	35,900	91.7%	Mua
DGW	34,750	47,500	36.7%	Mua
DPG	27,200	42,300	55.5%	Mua
DPR	35,800	46,500	29.9%	Mua
DRI	12,754	17,200	34.9%	Mua
EVF	12,550	14,400	14.7%	Tăng tỷ trọng
FRT	109,000	151,000	38.5%	Mua
GMD	72,000	92,700	28.8%	Mua
HAH	45,000	58,300	29.6%	Mua
HDG	16,400	30,900	88.4%	Mua
HHV	10,050	11,700	16.4%	Tăng tỷ trọng
HPG	20,800	30,700	47.6%	Mua
IMP	35,000	54,400	55.4%	Mua
KDH	18,000	38,800	115.6%	Mua
MCH	136,000	177,200	30.3%	Mua
MWG	71,500	115,600	61.7%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	22,050	33,000	49.7%	Mua
NLG	21,800	39,400	80.7%	Mua
NT2	21,350	27,700	29.7%	Mua
PHR	57,000	72,800	27.7%	Mua
PNJ	33,050	75,500	128.4%	Mua
PVS	34,300	39,900	16.3%	Tăng tỷ trọng
PVT	16,950	18,900	11.5%	Tăng tỷ trọng
POW	13,550	15,000	10.7%	Tăng tỷ trọng
SAB	47,000	57,900	23.2%	Mua
SSI	23,550	32,100	36.3%	Mua
TLG	46,000	50,000	8.7%	Nắm giữ
TCB	29,250	41,700	42.6%	Mua
TCM	17,900	35,300	97.2%	Mua
TRC	74,900	94,800	26.6%	Mua
VCB	54,000	79,700	47.6%	Mua
VPB	25,000	36,500	46.0%	Mua
VCG	15,800	23,300	47.5%	Mua
VHC	53,900	58,000	7.6%	Nắm giữ
VNM	57,800	66,650	15.3%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

www.phs.vn

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415